

Bản án số: 57/2021/DS-ST.

Ngày: 29-11-2021

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản có điều kiện.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Nghĩa

Ông Bùi Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản có điều kiện. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2021/QĐXXST – DS ngày 21/9/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp M, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Biện N, sinh năm 1959 (có mặt), theo văn bản ủy quyền lập ngày 11/5/2021.

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1. Bà Lưu L, sinh năm 1972 (Có mặt).

2. Ông Lê MT, sinh năm 1964

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn ông Lê MT: Ông Lê TN, sinh năm 1992 (Có mặt) theo văn bản ủy quyền lập ngày 08/11/2021.

Cùng địa chỉ: số nhà R ấp M, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện cũng như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Biện N trình bày:

Vào ngày 18/12/2011 dương lịch bà H có cho bà Lưu L vay số tiền 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, khi vay tiền thì bà L có gửi cho bà H giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB967036 do Ủy ban nhân dân huyện Ngã Năm (nay là thị xã Ngã Năm), tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Lưu L ngày 16/8/2010 để làm tin. Khi nào bà L trả tiền vốn vay và tiền lãi thì bà H sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên lại cho bà L. Sau khi vay tiền thì bà L không đóng lãi cũng như không trả vốn cho bà H, đã nhiều lần bà H yêu cầu bà L, ông MT trả tiền nhưng vợ chồng bà L cứ hẹn hoài mà không trả. Nay bà Đào H yêu cầu buộc bà Lưu L cùng chồng là ông Lê MT phải liên đới trả cho bà H số tiền vốn là 200.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay là ngày 18/12/2011 dương lịch đến ngày xét xử làm tròn là 10 năm, mức lãi suất chỉ yêu cầu 10%/năm, tính ra 200.000.000 đồng tiền lãi. Khi nào bà L và ông MT trả hết số tiền nợ cho bà Đào H thì bà H sẽ trả cho bà Lưu L, ông Lê MT bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB967036 do Ủy ban nhân dân huyện Ngã Năm (nay là thị xã Ngã Năm), tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Lưu L ngày 16/8/2010.

Tại phiên tòa hôm nay, bên phía bà L trình bày số tiền bà L nợ bà H phần lớn là tiền nợ hụi là không có căn cứ vì trong biên nhận bà L viết đưa cho bà H thì không thể hiện tiền nợ hụi, đồng thời bà L cũng không trình bày được tiền hụi bà H đã tham gia chơi là bao nhiêu nên bên nguyên đơn không đồng ý với lời trình bày của bị đơn. Về ý kiến xin bỏ lãi và trả số tiền vốn trong vòng một năm thì bên nguyên đơn không đồng ý.

2/ Tại phiên tòa bị đơn bà Lưu L trình bày:

Bà thừa nhận ngày 18/12/2011 dương lịch bà có viết một biên nhận đưa cho bà Đào H giữ, đúng là biên nhận bà H đã nộp cho Tòa án. Nhưng lúc đó do bà bị bế hụi, không còn tinh thần để tính toán nên bà H kêu bà viết biên nhận như thế nào thì bà viết như vậy. Nhưng nội dung thỏa thuận ngày 18/12/2011 dương lịch là kết nợ hụi lại đến khi bà H tham gia cuối cùng tổng cộng hơn một trăm tám mươi triệu, bà H đưa thêm cho bà mười mấy triệu tiền mặt nữa là đủ 200.000.000 đồng. Rồi bà viết biên nhận hỏi vay tiền, đưa cho bà H giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất đứng tên bà để làm tin. Giấy tờ, sổ sách về hụi thì bà đã bỏ hết, hiện nay không còn để cung cấp cho Tòa án nhưng thực tế trong số tiền hụi bà thiếu bà H là đã có tiền lãi hụi trong đó. Nay vợ chồng bà xin được trả số tiền cho bà H là 200.000.000 đồng, còn tiền lãi 200.000.000 đồng mà bên đại diện nguyên đơn yêu cầu trả bà H thì xin xem xét lại, không tính lãi cho bà vì thật chất là gia đình bà quá khó khăn nên mười năm nay không có khả năng để trả tiền cho bà H chứ không phải cố tính không muốn trả nợ cho bà H, bà H gần nhà bà thấy hoàn cảnh gia đình bà cũng thật sự khó khăn quá nên để tới mười năm mới đi kiện. Trước khi đi kiện thì bà có đến hỏi bà H để mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp đổi lại cái mới theo chủ trương đổi giấy của nhà nước, rồi lúc đó bà H kêu bà lo tiền trả lại cho bà H luôn nhưng bà không có khả năng để trả.

Tại phiên tòa hôm nay, bà cam kết trả lại số tiền 200.000.000 đồng cho bà H trong vòng một năm. Còn tiền lãi xin bà H không tính vì bà lo trả vốn 200.000.000 đồng là đã vất vả rồi, còn tiền lãi nữa sẽ không trả nổi.

3/ Tại phiên tòa, người đại diện cho bị đơn ông Lê MT là ông Lê TN trình bày ý kiến: Ông là con ruột của ông MT và bà L. Số tiền nợ bà H là tiền nợ riêng của mẹ ông, mẹ ông làm hui đến khi bế hui ra thì cha ông mới biết nhưng do vợ chồng nên cha ông cũng đồng ý cùng mẹ ông chịu trách nhiệm trả nợ cho bà H số tiền 200.000.000 đồng. Số tiền mẹ ông thiếu bà H đúng là nợ tiền hui, hàng xóm ai cũng biết, mẹ ông chỉ nhận tiền mặt có mười mấy triệu, nợ hui tính tiền với bà H đã có tiền lãi trong đó. Gia đình ông gặp khó khăn nên trong khoảng thời gian 10 năm nay thì gia đình ông không có khả năng trả nợ cho bà H chứ không phải không có thiện chí trả nợ. Ông cam kết hỗ trợ cha mẹ ông lo trả cho bà H số tiền 200.000.000 đồng trong thời hạn 01 năm. Còn nếu tính tiền lãi thì cha mẹ ông không có khả năng trả, bởi vì hiện nay cha ông cũng đã lớn tuổi, có bệnh trong người, không có nghề nghiệp gì để làm ra tiền trả nợ. Giấy chứng nhận QSD đất mẹ ông đưa cho bà H giữ làm tin là ngay thửa đất nền nhà hiện nay gia đình ông đang ở, nếu bán thửa đất này thì gia đình ông gồm 05 nhân khẩu không có chỗ ở, với thửa đất này là nguồn tiền do mẹ ông mượn của anh chị em ruột bên mẹ ông để mua đất đến nay chưa có khả năng để trả tiền lại cho họ. Xin Tòa án xem xét không tính lãi nữa vì nếu tính lãi thì chắc chắn rằng gia đình ông không đủ khả năng để trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Đào H yêu cầu bị đơn bà Lưu L và ông Lê MT cùng có trách nhiệm trả số tiền vay là 200.000.000 đồng. Bị đơn bà L, ông MT đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vay 200.000.000 đồng nhưng xin trả dần trong khoảng thời gian 01 năm. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc các đương sự đã thừa nhận là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn bà H có cung cấp cho Tòa án 01 giấy tay đề tựa “Tờ cầm đồ lập ngày 18/12/2011” có nội dung bà L có cầm bằng khoán đất cho bà H với số tiền 200.000.000 đồng, lãi 2%/tháng, đóng lãi mỗi tháng. Tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất cho rằng giấy chứng nhận QSD đất bà L đưa cho bà H giữ để làm tin chứ không phải cầm cố gì. Bà H cho rằng số tiền 200.000.000 đồng bà L thiếu bà là tiền vay, lãi suất 2%/tháng không thống nhất là tiền hui. Còn bà L, ông MT cho rằng trong số tiền 200.000.000 đồng này là một phần tiền hui và một phần tiền vay nhưng không chứng minh được số tiền hui là bao nhiêu, tiền vay là bao nhiêu, trong số tiền hui thì đã có lãi hui là bao nhiêu, sổ sách về việc tham gia chơi hui giữa bà H và bà L thì hiện nay cũng không còn để cung cấp cho Tòa án xem xét, ngoài lời trình bày của bị đơn thì không đưa ra được căn cứ nào chứng minh số tiền 200.000.000 đồng là tiền hui và đã có lãi hui. Do đó, không có căn cứ để hội đồng xét xử xem

xét lại tiền nợ hui. Ngoài ra, bà L cũng thừa nhận khi chốt tiền hui và nhận thêm tiền vay của bà H thì hai bên thống nhất làm biên nhận bà L nợ bà H số tiền 200.000.000 đồng và bắt đầu tính lãi suất 2%/tháng, bà L sẽ đóng lãi mỗi tháng cho bà H. Do đó, nếu thực chất số tiền 200.000.000 đồng bà L thiếu bà H có tiền hui thì thời điểm hai bên làm biên nhận chốt nợ ngày 18/12/2011 dương lịch cũng đã thống nhất chuyển sang tiền vay. Cho nên, Hội đồng xét xử xác định giao dịch giữa bà H và bà L là giao dịch vay tài sản có điều kiện. Việc thỏa thuận vay tiền giữa bà H và bà L là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông N và bị đơn bà L, đại diện ông MT xác nhận rằng từ khi bà L vay tiền bà H đến nay thì bà L chưa có lần nào đóng lãi cho bà H, như vậy bà L, ông MT đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Vì thế, bà H yêu cầu bà L và ông MT trả tiền vay là phù hợp theo quy định tại các khoản 1, 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, việc vay tiền giữa hai bên được xác định là hợp đồng vay có điều kiện. Song song với quyền yêu cầu trả nợ của bà H thì bà H có trách nhiệm trả lại cho bên bà L và ông MT 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Lưu L vào ngày 16/8/2010.

[3] Xét về lãi suất: Theo đơn kiện ngày 07/4/2021 thì bà H có yêu cầu bà L, ông MT trả lãi suất theo quy định của nhà nước trên số tiền còn nợ từ khi vay cho đến nay. Nhưng tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Biện N yêu cầu bị đơn bà L và ông MT cùng có trách nhiệm trả cho bà H tiền lãi suất từ khi vay ngày 18/12/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/11/2021 làm tròn 10 năm, mức lãi suất 10%/năm, quy ra tiền lãi là 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, theo quy định tại khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định “*Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ*” và quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*”; Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm. Do đó, các đương sự nếu có thỏa thuận về mức lãi suất thì không được thỏa thuận vượt mức lãi suất 13,5%/năm ($9,0\%/năm \times 150\%$). Tại biên nhận lập ngày 18/12/2011 dương lịch thì giữa bà H và bà L thỏa thuận mức lãi suất 2%/tháng nhưng tại phiên tòa đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu phía bị đơn trả cho nguyên đơn lãi suất 10%/năm là phù hợp quy định pháp luật như phân tích nêu trên. Do đó, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của bà H. Buộc bà L, ông MT trả lãi suất cho bà H từ ngày vay 18/12/2011 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm 29/11/2021, thời gian là 09 năm 11 tháng 11 ngày, cụ thể như sau: $200.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 09 \text{ năm } 11 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} = 198.948.000 \text{ đồng}$.

[4] Xét về yêu cầu trả dần và xin phần lãi suất của bị đơn bà L, ông MT: Hội đồng xét xử nhận thấy đại diện cho nguyên đơn không đồng ý cho trả dần và bỏ tiền lãi đối với bị đơn nên hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà L và ông MT cùng chịu là 398.948.000

đồng x 5% = 19.947.400 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền lãi không được chấp nhận nhưng bà H có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử miễn số tiền án phí cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào H về việc yêu cầu ông Lê MT và bà Lưu L trả số tiền vay.

Buộc ông Lê MT và bà Lưu L cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đào L số tiền 398.948.000 đồng (*Ba trăm chín mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng*). Trong đó tiền vốn là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và tiền lãi là 198.948.000 đồng (*Một trăm chín mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

Khi từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Đào H thì hàng tháng ông Lê MT và bà Lưu L còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào H về việc buộc ông Lê MT và bà Lưu L trả số tiền lãi 1.052.000 đồng (*Một triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

3/ Buộc bà Đào H trả cho ông Lê MT và bà Lưu L bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB967036 do Ủy ban nhân dân huyện Ngã Năm (nay là thị xã Ngã Năm), tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Lưu L ngày 16/8/2010, thửa đất số 1200, diện tích 64m², đất tọa lạc ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê MT và bà Lưu L cùng liên đới chịu án phí là 19.947.400 đồng
(Mười chín triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng).

Bà Đào H không phải chịu án phí.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn
kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành
án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải
thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,
tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều
6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo
quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.*

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Thị Vàng